

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP NAM SƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP NAM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM SON GENERAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAM SON GENERAL ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108234613

3. Ngày thành lập: 16/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 1, ngõ 243 đường Hữu Hưng, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: namsonjsc318@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
4.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
7.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
8.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
9.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
10.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
11.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
12.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
13.	Thu gom rác thải độc hại	3812
14.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
15.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
16.	Xây dựng nhà các loại	4100
17.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
18.	Xây dựng công trình công ích	4220
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
20.	Phá dỡ	4311
21.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
29.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	4513
30.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4530
32.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy	4541
33.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
34.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
35.	Bán buôn gạo	4631
36.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng Bán buôn chè	4632(Chính)
37.	Bán buôn đồ uống	4633
38.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
39.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ dùng phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
45.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
58.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
59.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
60.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
61.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
65.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
66.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
67.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
68.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
69.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
70.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
71.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
72.	Sản xuất rượu vang	1102
73.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
74.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
75.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
76.	Sản xuất sợi	1311
77.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
78.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
79.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
80.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
81.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
82.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
83.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
84.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
85.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
86.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324

87.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
88.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
89.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
90.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
91.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
92.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
93.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
94.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
95.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
96.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
97.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
98.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
99.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
100.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
101.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
102.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
103.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	4543
104.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
105.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	4662
106.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
107.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
108.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
110.	Quảng cáo	7310
111.	Cho thuê xe có động cơ	7710
112.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
113.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
114.	Dịch vụ đóng gói	8292
115.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

116.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
117.	Chăn nuôi khác	0149
118.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
119.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
120.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
121.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
122.	Khai thác gỗ	0221
123.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
124.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
125.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
126.	Khai thác thủy sản biển	0311
127.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
128.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
129.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
130.	Sản xuất giống thủy sản	0323
131.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
132.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
133.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
134.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
135.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
136.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
137.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
138.	Sản xuất đường	1072
139.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
140.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
141.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
142.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
143.	Sản xuất giày dép	1520
144.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
145.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
146.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
147.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
148.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
149.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
150.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
151.	In ấn	1811
152.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
153.	Sao chép bản ghi các loại	1820

154.	Sản xuất than cốc	1910
155.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
156.	Xuất bản phần mềm	5820
157.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
158.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
159.	Đại lý du lịch	7911
160.	Điều hành tua du lịch	7912
161.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
162.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ NAM SƠN	P312 CT2 khu chức năng ĐT Tây Mỗ, tổ dân phố Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	0150850004 02	
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		
2	NGÔ THỊ THU HUYỀN	P312 CT2 khu chức năng ĐT Tây Mỗ, tổ dân phố Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0251890008 10	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
3	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Đội 5, thôn Hòa Xá, Xã Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	017152146	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

4	NGÔ QUANG HUÂN	Khu 4,, Thị Trấn Thanh Thủy, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	132208834	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ NAM SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 015085000402

Ngày cấp: 21/02/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P312 CT2 khu chức năng ĐT Tây Mỗ, tổ dân phố Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P312 CT2 khu chức năng ĐT Tây Mỗ, tổ dân phố Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội